

Số: 33 /BC- HDQT

Hạ Long, ngày 16 tháng 4 năm 2021

BÁO CÁO

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2020 KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2021

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần đầu tư cảng Cái Lân trân trọng báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 tới toàn thể Quý cổ đông các nội dung cụ thể như sau:

A. THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2020

I - KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẢNG CÁI LÂN (CPI)

1. Tình hình thị trường một số mặt hàng, dịch vụ chính

a. Hàng Viên nén gỗ

* Tình hình thị trường thế giới:

- Thị trường Nhật: Các dự án hợp tác lớn mới về đốt cháy tiện ích ở Nhật Bản, EU, Anh và Hàn Quốc, cùng với đó là nhiều dự án nhà máy điện độc lập nhỏ hơn ở Nhật Bản. Dự báo nhu cầu về viên nén gỗ sẽ tăng lên 24 triệu tấn mỗi năm cho nhu cầu hiện tại đến năm 2025.

- Thị trường Hàn Quốc: Nhu cầu viên nén gỗ công nghiệp tăng nhanh trong những năm gần đây, và đây sẽ là xu hướng có thể tiếp tục trong vài năm tới. Tuy nhiên, nhu cầu trong tương lai ở Hàn Quốc khó ước tính hơn do sự không chắc chắn về giá.

Nhìn chung, ước tính nhu cầu tiềm năng đối với viên nén gỗ trong thời gian tới sẽ rất cao, là một tín hiệu khả quan đối với ngành công nghiệp sản xuất viên gỗ nén trên toàn thế giới nói chung và tại Việt Nam nói riêng.

* Tình hình thị trường trong nước:

Thị trường viên nén gỗ nước ta đang có nhiều biến động lớn với số xưởng sản xuất viên nén gỗ ngày càng gia tăng, các sản phẩm viên nén gỗ cũng ngày càng phong phú và đa dạng với nhiều chủng loại như viên nén gỗ mùn cưa, viên nén gỗ bã mía, viên nén gỗ vỏ đậu phộng, viên nén gỗ keo, viên nén vỏ trấu.... Tùy theo tính chất mà viên nén gỗ làm từ những nguyên liệu này cũng có chất lượng khác nhau, thường thì viên nén gỗ làm bằng mùn cưa hay gỗ vụn thuần sẽ có chất lượng cao hơn từ đó giá thành đắt hơn.

Năm 2020, tuy tình hình dịch bệnh có gây ảnh hưởng nhiều đến nền kinh tế trong nước cũng như trên thế giới nhưng tình hình xuất khẩu viên nén gỗ ở nước ta vẫn được đảm bảo khá ổn định, không bị gián đoạn nguồn cung cầu

* Dịch vụ của CPI:

Là đơn vị đầu tiên thực hiện dịch vụ xuất tàu hàng viên gỗ nén tại khu vực cảng Cái Lân cho đến nay CPI vẫn duy trì và hợp tác chặt chẽ cung cấp dịch vụ kho, xuất tàu hàng gỗ viên

nén với công ty An Việt Phát, đồng thời xây dựng các kế hoạch tiếp cận với những đơn vị có nhu cầu xuất hàng qua khu vực cảng Cái Lân. Từ đầu năm 2020 cho đến thời điểm hiện tại sản lượng xuất tàu trung bình 10.000 tấn/tháng (tần suất 01 tàu/tháng). Cùng với kế hoạch xây dựng nhà máy tại khu vực Phía Bắc trong những năm tới, sản lượng hàng gỗ viên nén sẽ có sự tăng trưởng mạnh mẽ. Trong những tháng đầu năm 2021, An Việt Phát bắt đầu thử nghiệm xuất tàu size tàu lớn đầu tiên (hơn 24.000 tấn) tiến tới cho kế hoạch xuất tàu 50.000 tấn. Do vậy CPI đánh giá dịch vụ hàng viên nén gỗ tiếp tục là một trong những mặt hàng chính của CPI năm 2021 và những năm tiếp theo.

b. Hàng Xi măng

*** Thị trường thế giới:**

Ngành xi măng Thế giới đang đối diện với áp lực bão hòa về nhu cầu tiêu thụ và tình trạng dư thừa lớn về công suất sản xuất. Năm 2019, sản lượng sản xuất và tiêu thụ xi măng toàn cầu đạt 4,1 tỷ tấn, trong khi tổng công suất thiết kế của các nhà máy trên thế giới lên tới 5,3 tỷ tấn/năm nên công suất huy động toàn ngành chỉ ở mức 78%.

Trong giai đoạn 2020 - 2030, tăng trưởng về nhu cầu xi măng toàn cầu dự báo sẽ chậm lại do ảnh hưởng của xu hướng sụt giảm tiêu thụ tại Trung Quốc và các thị trường đã bão hòa như Mỹ và Châu Âu, đồng thời phân hóa rõ rệt về tốc độ tiêu thụ xi măng tại các thị trường phát triển (Trung Quốc, Mỹ, Châu Âu và thị trường đang phát triển (Ấn Độ, Việt Nam, Indonesia).

*** Tình hình thị trường trong nước:**

Theo Công ty CP Chứng khoán FPT (FPTS), trong 8 tháng đầu năm 2020, sản lượng sản xuất của các nhà máy trong ngành xi măng đạt 63,6 triệu tấn, chỉ giảm nhẹ 2% so với cùng kỳ năm 2019.

Nguồn cung xi măng trên thị trường bị ảnh hưởng không đáng kể trong giai đoạn diễn biến dịch Covid-19 do các nhà máy được phép hoạt động bình thường, kể cả trong thời gian Việt Nam áp dụng các biện pháp giãn cách xã hội (trong tháng 4 và tháng 8) tại nhiều tỉnh thành trên cả nước.

Đối với hoạt động xuất khẩu, trong giai đoạn dịch bệnh Covid-19 lan rộng trên Thế giới nửa đầu năm 2020, hoạt động xuất khẩu của các doanh nghiệp xi măng Việt Nam bị ảnh hưởng một phần do hàng hóa lưu thông qua đường biển (tuyến đường vận chuyển chính của xi măng xuất khẩu) bị hạn chế do một số biện pháp kiểm soát dịch của chính phủ các nước như: Hạn chế đi lại và tạm dừng các hoạt động xây dựng, sản xuất trong thời gian phong tỏa chống dịch và tăng cường thủ tục rà soát y tế tại các khu vực giao thương như cảng biển gây đình trệ các đơn hàng xuất khẩu.

Tuy nhiên, theo FPTS, sau khi sản lượng xuất khẩu 3 tháng đầu năm giảm 18% so với cùng kỳ năm 2019, xuất khẩu đã nhanh chóng hồi phục và tăng mạnh trong các tháng sau đó, nguyên nhân chính đến từ nhu cầu nhập khẩu các sản phẩm thô (clinker) tăng vọt từ các nhà máy xi măng Trung Quốc để tái khởi động sản xuất nhanh sau khi nước này bắt đầu dỡ bỏ phong tỏa vào tháng 4.

Một thị trường xuất khẩu khác là Philippines cũng có biến động lớn khi sản lượng xuất khẩu giảm 27,4% trong 8 tháng đầu năm nhưng không đến từ yếu tố về dịch bệnh mà do mức thuế 4,8 USD/tấn (~5% giá bán) mà chính phủ Philippines áp lên các sản phẩm xi măng Việt Nam vào cuối tháng 9 năm 2019. Còn lại, các thị trường xuất khẩu khác không có biến động lớn trong giai đoạn bùng phát dịch bệnh.

*** Dịch vụ của CPI:**

Xi Măng Thăng Long (TLCC) giảm mạnh về xuất khẩu kể từ cuối năm 2019 cho đến thời điểm hiện tại do chính sách nhập khẩu của nước nhập khẩu và một phần do ảnh hưởng của dịch Covid 19, do đã đánh giá được tình hình thị trường và kế hoạch xuất khẩu của khách hàng nên năm 2020 CPI cũng cơ bản hoàn thành kế hoạch sản lượng đối với mặt hàng xi măng (sản lượng thực hiện hơn 50.000 tấn).

Tuy nhiên, số dư nợ của TLCC luôn dao động ở con số lớn và nợ dài ngày nên cũng ảnh hưởng không ít đến dòng tiền của CPI, mặc dù vậy đánh giá chung TLCC vẫn đảm bảo khả năng thanh toán và mang lại doanh thu, lợi nhuận, tạo công ăn việc làm cho người lao động nên nhận định chung TLCC vẫn là một trong những khách hàng chính của CPI trong năm 2021.

c. Dịch vụ của CPI đối với các mặt hàng khác

*** Hàng container:**

Trong năm 2020 sản lượng hàng container sụt giảm mạnh do ảnh hưởng nặng nề của đại dịch covid 19 trên toàn cầu. Lượng hàng container đã giảm sút trong tháng 1,2 và bắt đầu giảm mạnh kể từ tháng 03/2020 đến tháng 05/2020 với tổng lượng hàng container nhập, xuất chỉ 100 teus/chuyến chính vì vậy hãng tàu Hyundai đã quyết định tạm dừng khai thác tàu tại Cái Lân từ tháng 07/2020 và chưa có kế hoạch quay lại. Điều này ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của CPI, marketing vẫn liên tục bám sát các kế hoạch của hãng tàu để phối hợp hỗ trợ cung cấp thông tin và thực hiện cung cấp dịch vụ trong trường hợp hãng khai thác tuyến trở lại thời gian tới.

*** Hàng than:**

Với chủ trương đẩy mạnh công tác marketing, tìm kiếm nguồn hàng mới, khách hàng mới, từ cuối năm 2019, từ công tác tìm hiểu thông tin, tiếp xúc khách hàng tiềm năng lớn như các công ty LEC, Việt Phát, Xi măng Vissai Ninh Bình, Xi măng Xuân Thành, Công ty Kho Vận Cẩm Phả, Chế biến than Quảng ninh, An Việt Phát, Vôi Hạ Long... Trong Quý 3 và Quý 4/2020, CPI đã ký được hợp đồng xếp dỡ với công ty An Việt Phát và Vôi Hạ Long QN về việc xếp dỡ các tàu than tại khu vực vùng neo Hạ Long và xếp dỡ tại cảng Cái Lân.

*** Hàng bò sống nguyên con:**

Từ cuối năm 2019 CPI đã tiếp xúc làm việc với công ty Phú Lâm/Thanh Lâm để hợp tác cung cấp dịch vụ làm hàng bò sống nguyên con qua cảng Cái Lân. Trong năm 2020 CPI đã thực hiện cung cấp dịch vụ qua cảng Cái Lân cho hơn 15.000 con bò nhập khẩu từ Úc cho khách hàng. Theo như phản hồi từ phía khách hàng về chất lượng dịch vụ tương đối khả quan

và đây cũng là một mặt hàng tiềm năng của CPI với sản lượng kế hoạch bình quân hơn 20.000 con/năm.

*** Hàng vôi ngâm nước**

Trong những tháng đầu năm CPI đã thực hiện vận chuyển, lưu kho và xuất tàu hàng vôi đóng bịch với khách hàng vôi Hạ Long QN. Trong năm 2020 CPI đã thực hiện dịch vụ cho 9.000 tấn hàng xuất khẩu và kế hoạch trong năm 2021 tiếp tục thực hiện dịch vụ này cho khách hàng đối với mặt hàng vôi cục.

2. Tình hình triển khai thực hiện nhiệm vụ năm 2020

Những tháng đầu năm 2020, dịch Covid bùng phát tại Việt Nam cũng như trên thế giới, ảnh hưởng nghiêm trọng đến mọi mặt hoạt động của CPI. Ban điều hành cùng toàn thể CBNV CPI đã nỗ lực vượt khó, chỉ đạo triển khai nhiều biện pháp, phù hợp với điều kiện của công ty để duy trì, tìm hướng phát triển ổn định đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động.

2.1. Bộ máy tổ chức:

- Ban điều hành Công ty gồm: 01 Tổng giám đốc, 01 phó Tổng Giám đốc; 01 Kế toán trưởng.

- Các phòng ban chức năng, văn phòng đại diện:

+ Phòng Đầu tư Kinh doanh

+ Phòng Tài chính kế toán

+ Phòng Tổ chức hành chính

+ Đội vận tải

+ Văn phòng đại diện công ty tại Hải Phòng (kiêm nhiệm)

+ Văn phòng đại diện công ty tại Móng Cái (kiêm nhiệm)

- Thường xuyên thực hiện sắp xếp, điều chuyển nhân sự giữa các tổ, phòng ban công ty để phù hợp với điều kiện thực tế, tăng hiệu quả và sức cạnh tranh của đơn vị.

- Tăng cường công tác đào tạo để học hỏi và phát triển như tổ chức các khóa học về nghiệp vụ chăm sóc khách hàng và phát triển thị trường, tổ chức chương trình truyền thông về văn hóa doanh nghiệp lấy khách hàng làm trung tâm.

- Thường xuyên cập nhật các Quy trình chăm sóc khách hàng, Quy trình làm hàng, nội quy nội bộ. Thường xuyên sửa đổi các Quy chế, quy định cho phù hợp với tình hình thực tế của công ty và theo quy định của Pháp luật. Trong năm 2020, CPI đã triển khai, áp dụng giao việc qua KPI, đồng thời ban hành quy chế lương áp dụng trả lương theo KPI để từ đó nâng cao tinh thần trách nhiệm, trả lương theo hiệu quả công việc và mức độ hoàn thành công việc được giao.

Cử nhân viên tham gia các lớp tập huấn về thuế, nghiệp vụ kế toán, tổ chức nhân sự, các hội thảo về tình hình thị trường, các khóa học về nghiệp vụ chăm sóc khách hàng, các chương trình truyền thông về văn hóa doanh nghiệp, khóa học về Luật doanh nghiệp 2020 do cơ quan ban ngành tại địa phương và Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam tổ chức.

Động viên tinh thần, khen thưởng kịp thời tới cán bộ nhân viên nhằm tạo động lực và niềm tin đối với công ty trong giai đoạn khó khăn.

- Tính đến 31/12/2020 tổng số cán bộ công nhân viên của CPI là 44 người (34 nam; 10 nữ).

Về trình độ chuyên môn: Trên Đại học: 03 người; Đại học: 19 người; Cao đẳng: 02 người; Trung cấp: 01 người; Trung cấp chuyên nghiệp: 01 người; Sơ cấp nghề: 18 người.

2.2. Kết quả thực hiện nhiệm vụ SXKD

a. Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH năm 2019	Kỳ báo cáo		So sánh (%)	
				Kế hoạch năm 2020	TH năm 2020	TH 2020/KH 2020	TH 2020/TH 2019
I	Sản lượng	<i>Tấn</i>	1.144.323	990.000	1.110.559	112	97
		<i>Teu</i>	40.985	43.500	23.086	53	56
1	Hàng nông sản, TAGS	<i>Tấn</i>	299.633	150.000		0	-
2	Hàng xi măng	<i>Tấn</i>	30.450	50.000	51.600	103	169
3	Hàng dăm gỗ/gỗ viên	<i>Tấn</i>	94.077	100.000	113.079	113	120
4	Dịch vụ, thủ tục, hàng khác	<i>Teu</i>	36.538	40.000	19.070	48	52
		<i>Tấn</i>	93.114	290.000	427.728	147	459
5	Dịch vụ Hàng hải	<i>Chuyến</i>	50	52	19	37	38
6	Đội xe công ty	<i>Teu</i>	4.447	3.500	4.016	115	90
		<i>Tấn</i>	627.049	400.000	518.152	130	83
II	Tổng doanh thu	<i>Tr. đồng</i>	59.686	56.087	46.377	83	78
1	Doanh thu bán hàng cung cấp dịch vụ	<i>Triệu đồng</i>	59.103	55.572	45.875	83	78
2	Doanh thu hoạt động tài chính/doanh thu khác		583	515	502	97	86
III	Lợi nhuận trước thuế	<i>Tr. đồng</i>	(797)	760	766	101	
IV	Thực hiện nộp NSNN	<i>Tr. đồng</i>	996	600	1.011	169	102
V	Thu nhập bình quân	<i>Tr. đồng</i>	11,28	12,3	10,42	85	92

* Phân tích các chỉ tiêu sản lượng một số mặt hàng chính:

- **Hàng gỗ viên:** Sản lượng hàng gỗ viên thực hiện trong năm 2020: 113.079 tấn bằng 113% so với kế hoạch và bằng 120% so với thực hiện năm 2019.

- **Hàng xi măng:** Sản lượng bốc xếp, vận chuyển năm 2020 đạt 51.600 tấn bằng 103% kế hoạch và bằng 169% so với thực hiện năm 2019.

- **Hàng nông sản:** Mặc dù xây dựng kế hoạch 150.000 tấn thực hiện xếp dỡ hàng nông sản tại vùng neo nhưng trong năm do nhiều yếu tố tác động nên CPI không ký được hợp đồng thực hiện dịch vụ này.

- **Dịch vụ thủ tục, hàng khác:**

Sản lượng hàng rời: 427.728 tấn bằng 147% so với kế hoạch và bằng 459% so với thực hiện năm 2019.

Trong đó:

+ Dịch vụ thủ tục hàng nông sản của Cargill là: 373.232 tấn bằng 156% so với kế hoạch năm và bằng 473% so với thực hiện năm 2019.

+ Hàng khác (vôi, than...): 54.496 tấn bằng 110% so với kế hoạch năm và bằng 385% so với thực hiện năm 2021.

Sản lượng dịch vụ thủ tục hàng container: 19.070 teu bằng 48% so với kế hoạch năm và bằng 52% so với thực hiện năm 2019.

Đại lý tàu lai: 19 chuyến bằng 37% so với kế hoạch và bằng 38% so với thực hiện năm 2019.

- Dịch vụ vận chuyển của đội xe:

Sản lượng vận chuyển hàng rời: 518.152 tấn bằng 130% so với kế hoạch và bằng 83% so với thực hiện năm 2019.

Trong năm, sản lượng vận chuyển hàng rời cho khách hàng của Đội vận tải vượt kế hoạch năm nhưng chủ yếu là vận chuyển dăm gỗ cho các khách hàng tại khu vực khu công nghiệp Cái Lân với các tuyến đường ngắn từ kho ra cầu cảng.

Ngoài việc vận chuyển cho khách hàng, Đội vận tải còn thực hiện vận chuyển nội bộ hàng gỗ viên và hàng xi măng...cho Phòng ĐTKD với sản lượng: 165.950 tấn hàng rời.

Sản lượng vận chuyển hàng container: 4.016 teu bằng 115% so với kế hoạch năm và bằng 90% so với thực hiện năm 2019.

Tổng sản lượng các mặt hàng trong năm 2020 của CPI đạt 1.110.559 tấn hàng rời bằng 112% so với kế hoạch năm và bằng 97% so với thực hiện năm 2019; 23.086 teu hàng container bằng 53% so với kế hoạch và bằng 56% so với thực hiện năm 2019.

b. Chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận

Tổng doanh thu trong năm 2020 đạt: 46.377 triệu đồng, bằng 83% so với kế hoạch và bằng 78% so với thực hiện năm 2019.

Lợi nhuận trước thuế năm 2020 là 766 triệu đồng bằng 101% so với kế hoạch năm.

Nộp ngân sách nhà nước: 1.011 triệu đồng bằng 169% so với kế hoạch năm và bằng 102% so với thực hiện năm 2019.

Thu nhập bình quân: 10,42 triệu đồng/người/tháng bằng 85% so với kế hoạch năm và bằng 92% so với thực hiện năm 2019.

c. Về tình hình tài chính:

Thực hiện mục tiêu kinh doanh ghi trong Điều Lệ, CPI đã tập trung mọi nguồn lực có thể để đầu tư vào CICT. Tính đến thời điểm 31/12/2020 số vốn mà CPI đã góp vào CICT: 473.212.674.000 VND.

Như ghi nhận trên Báo cáo tài chính: Đến 31/12/2020 kinh doanh của CICT không hiệu quả và đã lỗ hết vốn chủ sở hữu, dẫn đến việc CPI phải trích lập dự phòng toàn bộ khoản đầu tư vào CICT.

d. Nguyên nhân và các yếu tố tác động đến kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020

- Nguyên nhân khách quan:

+ Sự bùng phát dịch Covid 19 từ cuối năm 2019 cho đến hiện tại chưa rõ hồi kết đã và đang làm ảnh hưởng trầm trọng đến nền kinh tế toàn cầu và của Việt Nam nói chung. Riêng đối với CPI, là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực logistic cũng bị ảnh hưởng không nhỏ do vận chuyển hàng hóa toàn cầu bị đình trệ, cụ thể các mặt hàng xi măng, nông sản, viên gỗ nén các tàu liên tục bị thay đổi kế hoạch, hủy chuyến; hãng tàu Hyundai tạm dừng tuyến ACS từ tháng 7/2020 cho đến nay vẫn chưa có kế hoạch khai thác trở lại; các kế hoạch vận chuyển của Đội vận tải cũng bị ảnh hưởng phát sinh chi phí, giảm hiệu quả do phải thực hiện kiểm soát dịch tại các trạm, thậm chí phong tỏa tại một số địa phương có dịch xảy ra.

+ Tình hình thời tiết khắc nghiệt, mưa bão liên tục trong các tháng cuối năm 2020 cũng ảnh hưởng không nhỏ tới kế hoạch tàu của CPI làm giảm hiệu quả như: kéo dài thời gian làm hàng, giảm lượng hàng xuất thẳng, tăng các chi phí và giảm năng suất vận chuyển/ngày do phương tiện phải chờ đợi.

- Nguyên nhân chủ quan:

+ Cơ sở vật chất và nhân, vật lực còn thiếu nên hầu hết các dịch vụ CPI cung cấp đều đi thuê ngoài dẫn đến chi phí cao, khó cạnh tranh với các đơn vị dịch vụ khác có sẵn phương tiện, thiết bị, kho tàng;

+ Đối với hàng xếp dỡ tại neo, dịch vụ của CPI phụ thuộc vào các đơn vị cung cấp cầu nổi nên kế hoạch làm hàng luôn bị động và giá cả cũng không thể cạnh tranh;

2.3. Các giải pháp đã thực hiện để khắc phục khó khăn

Mặc dù tình hình thị trường sản xuất kinh doanh của CPI hết sức khó khăn, trong điều kiện thiếu vốn, hàng hóa không ổn định, cạnh tranh từ các đơn vị dịch vụ có sẵn kho, phương tiện nhưng Ban điều hành cùng toàn thể CBNV công ty đã nỗ lực khắc phục khó khăn để hoàn thành kế hoạch được giao.

Các giải pháp đã thực hiện:

1) Giải pháp về nhân sự:

- Sắp xếp, điều chuyển nhân sự theo yêu cầu công việc và khả năng chuyên môn;
- Cử cán bộ tham gia học tập, tập huấn bồi dưỡng nghiệp vụ theo chương trình, kế hoạch của Tổng công ty, cơ quan ban ngành tại địa phương.
- Xây dựng mới và cập nhật sửa đổi các quy trình nội bộ.
- Trong năm 2020 đã thực hiện áp dụng triển khai giao chỉ tiêu BSC-KPI cho các phòng ban và từng cá nhân.

2) Phương án tài chính

- Thực hành tiết kiệm trong mọi hoạt động của đơn vị: Trong năm 2020 đã thực hiện cắt giảm các chi phí khoán, định mức của Đội vận tải, định mức xăng dầu đối với xe con; cắt giảm tối đa các chi phí quản lý như các chi phí văn phòng phẩm, hội nghị tiếp khách, chi phí lương...
- Đẩy mạnh công tác đôn đốc thu hồi công nợ, nhất là những công nợ quá hạn, công nợ khó đòi;

3) Nhiệm vụ sản xuất kinh doanh

Nâng cao chất lượng dịch vụ giữ chân khách hàng cũ và marketing các khách hàng mới:

Trong năm 2020, mặc dù trong tình hình thị trường hết sức khó khăn CPI vẫn giữ được dịch vụ với các khách hàng thân thiết như Xi măng Thăng Long, An Việt Phát, dầu thực vật, Hào Hưng, Vôi Hạ Long, dịch vụ thủ tục hàng của khách hàng Cargill....;

Ngoài ra, trong năm còn thực hiện ký được thêm hợp đồng vận chuyển với Cargill, hợp đồng dịch vụ thủ tục hàng cont xe đạp với Fuji...

2.4. Tình hình đầu tư: Trong năm 2020, CPI không thực hiện đầu tư

2.5. Cổ tức năm 2020: Không chia.

II. KẾT QUẢ SXKD CÔNG TY TNHH CẢNG CÔNG TEN NƠ QUỐC TẾ CÁI LÂN (CICT).

Hội đồng quản trị thông qua những người đại diện phần vốn CPI tại CICT để thực hiện quyền biểu quyết các nội dung chương trình kế hoạch SXKD, đầu tư, thanh lý... và kiểm tra, giám sát các mặt hoạt động, trong năm 2020 CICT đã đạt được kết quả như sau:

1. Kết quả sản xuất kinh doanh

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2019	Thực hiện năm 2020	TH 2020 vs TH 2019
I	Sản lượng thông qua				
1	Hàng container	Teu	90,282	41,283	46%
2	Hàng rời	Tấn	2,980,506	4,260,297	143%
	- Hàng dăm gỗ	Tấn	745,066	1,176,807	158%
	- Hàng nông sản	Tấn	1,905,982	2,788,508	146%
	- Hàng dầu thực vật	Tấn	221,459	262,769	119%
	- Hàng quặng	Tấn	32,647	8,827	27%
	- Hàng sắt thép phế liệu	Tấn	43,625	6,263	14%
	- Hàng khác	Tấn	31,728	17,123	54%
II	Tổng doanh thu	Tr. đồng	288,323	362,010	126%
1	Doanh thu bán hàng cung cấp dịch vụ		279,266	315,833	113%
2	Doanh thu hoạt động tài chính/ doanh thu khác		9,057	46,177	510%
III	Lợi nhuận trước thuế		(263,452)	(91,168)	35%
	Lãi từ hđsxkd		109,243	170,375	156%
	Lỗ do - Khấu hao		(117,788)	(112,133)	95%
	Lỗ do - Lãi vay, thuế nhà thầu lãi vay		(221,114)	(196,904)	89%
	Lỗ do - Chênh lệch tỷ giá đánh giá cuối kỳ		1,450	1,914	132%
IV	Thực hiện nộp NSNN		24,725	22,730	92%
V	Thu nhập bình quân		14	15	103%

2. Đánh giá các chỉ tiêu sản lượng

a. Container:

Trong năm 2020, CICT đã đạt sản lượng khai thác 41.283 TEU hàng hóa container thông qua cảng, giảm 46% so với cùng kỳ năm 2019. Trong đó chủ yếu lượng hàng này đến từ việc cung cấp dịch vụ khai thác tàu cho hãng tàu Hyundai Merchant Marine (HMM) và một số khách hàng lẻ khác (chủ yếu là hàng tạm nhập tái xuất không có tuyến cố định). Việc tạm dừng tuyến ACS – Hyundai không chỉ ảnh hưởng tới dịch vụ xếp dỡ tại cảng mà còn khiến cho việc cung cấp dịch vụ logistics trọn gói cho nhà máy Hyundai Thành Công (HTC) tại Ninh Bình-

khách hàng chủ chốt của tuyến ACS cũng bị gián đoạn theo. Đó đó, năm 2020 là một năm đầy khó khăn đối với CICT trong việc duy trì sản lượng hàng container.

b. Hàng rời:

Năm 2020, tổng sản lượng hàng rời thông qua cảng đạt 4.260.297 tấn, tăng 43% so với năm 2019. Hai mặt hàng chính của CICT vẫn là hàng dăm gỗ và hàng nông sản/nguyên liệu thức ăn chăn nuôi.

Hàng nông sản: Năm 2020 đánh dấu sự phát triển tăng vọt về sản lượng cũng như doanh thu của mặt hàng nông sản tại CICT. CICT khai thác 2.788.508 tấn nông sản nhập khẩu, tăng 46% so với năm 2019. Các khách hàng lớn nhất của CICT trong năm 2020 là Enerfo, Cargill và Crossland. Trong đó, shipper Enerfo dẫn đầu về sản lượng, tiếp đến là Cargill và Crossland. Ngoài các hãng tàu trên, trong năm CICT còn khai thác một số chuyến tàu của các shipper khác với sản lượng 41.293 tấn.

Bên cạnh thu hút khách hàng mới, CICT tiếp tục hoàn thiện các cơ sở vật chất và trang thiết bị khai thác cũng như nâng cao chất lượng dịch vụ. Sau khi nhà kho Cảng đi vào hoạt động, CICT đã cố gắng tối ưu hóa sức chứa của nhà kho để phục vụ cho việc khai thác tàu cũng như cung cấp các kho và các dịch vụ kho nhằm mục tiêu tăng doanh thu.

Tiếp nối thành công đến từ việc ứng dụng công nghệ thông tin vào khai thác năm 2019, cổng thông tin điện tử Portal tiếp tục được phát triển mạnh mẽ, mở rộng thêm nhiều chức năng sử dụng và đặc biệt là giao diện phù hợp với phiên bản điện thoại thông minh giúp khách hàng thuận tiện trong quá trình đăng ký sử dụng. Kể từ khi CICT đưa ứng dụng công nghệ vào khai thác hàng rời đã nhận được rất nhiều sự phản hồi tích cực từ phía khách hàng.

Hàng dăm gỗ: Năm 2020, hoạt động khai thác hàng dăm gỗ tại CICT đã có những bước tăng trưởng đáng kể; sản lượng của CICT đạt 1.176.807 tấn, tăng 58% so với năm 2019, chiếm 32,97% thị phần trong khi cảng Quảng Ninh chiếm 67,03% với 2.392.000 tấn.

Các diễn biến bất ổn định của thị trường khiến các doanh nghiệp hoặc tồn đọng hàng hóa, hoặc dè dặt trong việc tập kết hàng. Đây là tín hiệu thể hiện khía cạnh không bền vững của ngành dăm gỗ của Việt Nam. Tất cả các doanh nghiệp xuất khẩu dăm gỗ qua CICT (đều có khách hàng là thị trường Trung Quốc) cũng không nằm ngoài những ảnh hưởng đó.

Theo phản hồi của các Khách hàng về dịch vụ, CICT sở hữu thế mạnh về hệ thống an ninh, an toàn nghiêm ngặt, hiệu quả, cùng sự đa dạng phương án khai thác làm hàng (khai thác bằng cầu STS dùng thùng container mở đáy – phương án độc quyền tại khu vực Cái Lân và khai thác bằng băng tải) cho năng suất khai thác cao trong điều kiện đáp ứng đầy đủ định biên máy móc thiết bị trong khai thác. Tuy nhiên, do quy hoạch bãi CICT còn hẹp cùng với sự thiếu hụt về trang thiết bị phụ trợ làm giảm năng suất giải phóng tàu đặc biệt trong thời gian mùa cao điểm của hoạt động xuất khẩu dăm gỗ, nhiều tàu cập cầu bến khu vực Cái Lân cùng lúc. Ngoài ra CICT nhận thách thức từ sự cạnh tranh của QNP về giá, các chính sách ưu đãi để thu hút các khách hàng.

Các mặt hàng khác: Năm 2020, Tổng sản lượng hàng hóa thông qua khác tại CICT đạt 294.982 tấn hàng. Dầu thực vật là mặt hàng chiếm sản lượng lớn trong nhóm hàng hóa này.

Dịch vụ khai thác hàng thiết bị, siêu trường siêu trọng của CICT cũng được khách hàng ưu tiên lựa chọn với sự hiệu quả và an toàn trong xếp dỡ. Mặt hàng sắt phế liệu nhập khẩu cũng được khai thác trong năm 2020 tuy nhiên sản lượng không ổn định, một phần nguyên nhân do còn một số hạn chế của cảng như thiết bị và một phần CICT gặp phải sự cạnh tranh gay gắt của đối thủ QNP với những ưu đãi và chính sách linh hoạt dành cho Khách hàng. Đối với mặt hàng quặng fluorspar: bên cạnh xếp dỡ tại cầu bến CICT/ QNP thì hiện tại khách hàng có xu hướng khai thác tại khu vực neo với giá xếp dỡ thấp.

3. Đánh giá các chỉ tiêu tài chính, doanh thu, lợi nhuận

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH năm 2019	TH năm 2020	So sánh	
					Số tuyệt đối	%
I.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Tr.đồng	279,266	315,833	36,567	113%
1	Doanh thu hàng conts	Tr.đồng	94,940	30,570	(64,371)	32%
2	Doanh thu hàng tổng hợp, hàng rời	Tr.đồng	184,325	285,263	100,938	155%
II.	Chi phí hoạt động SXKD	Tr.đồng	287,810	257,591	(30,219)	90%
1	Giá vốn hàng bán	Tr.đồng	227,767	199,915	(27,852)	88%
	Chi phí biến động lớn	Tr.đồng			-	
	- Chi phí điện, nước	Tr.đồng	9,160	5,569	(3,592)	61%
	- Chi phí khác, trong đó	Tr.đồng	66,201	45,202	(20,999)	68%
	+ Chi phí thuê phương tiện, thiết bị ngoài	Tr.đồng	60,927	38,000	(22,927)	62%
	* Chi phí thuê làm hàng container	Tr.đồng	43,842	16,037	(27,805)	37%
	* Chi phí thuê làm hàng tổng hợp, hàng rời	Tr.đồng	17,085	21,963	4,878	129%
	+ Chi phí thuê nhân công ngoài	Tr.đồng	1,891	2,986	1,096	158%
2	Chi phí quản lý doanh nghiệp	Tr.đồng	60,043	57,676	(2,367)	96%
III.	EBITDA	Tr.đồng	109,243	170,375	61,132	156%
IV.	Lãi (lỗ) chênh lệch tỷ giá đánh giá cuối kỳ	Tr.đồng	1,450	1,914	464	132%
V	Chi phí hoạt động tài chính	Tr.đồng	221,123	197,010	(24,114)	89%
VI.	Doanh thu khác	Tr.đồng	4,777	44,369	39,593	929%
VII	Chi phí khác	Tr.đồng	44,292	491	(43,800)	1%
VIII.	LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	Tr.đồng	(263,452)	(91,168)	172,284	35%

Doanh thu từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2020 tăng so với năm 2019 là 36.567 triệu đồng tương đương 13%.

Trong đó:

- Doanh thu từ hàng container giảm 32% tương đương 64.371 triệu đồng do năm 2020 là năm chịu ảnh hưởng nhiều từ dịch bệnh covid-19 nên các hãng tàu đã cắt giảm chuyến hoặc chuyển tuyến khai thác. Nhưng tổng doanh thu trong năm vẫn tăng do doanh thu hàng rời tăng mạnh, tăng 55% tương đương 100.938 triệu đồng.

- Doanh thu tăng 13% nhưng Tổng chi phí cho hoạt động SXKD giảm 10%. Trong đó, Giá vốn hàng bán giảm 12% và Chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 4% làm cho EBITDA năm 2020 có sự tăng trưởng mạnh. EBITDA tăng 56% so với năm 2019, tương đương 61 tỷ đồng.

Nguyên nhân: Trong năm 2020 CICT có một số chi phí giảm mạnh so với năm 2019.

Chi phí liên quan đến giá vốn:

+ Chi phí điện nước năm 2020 giảm 49% so với năm 2019 do trong năm 2019 CICT khai thác nhiều hàng container lạnh với thời gian lưu bãi dài nên chi phí điện cao, năm 2020 mặt hàng này giảm cả về lượng và thời gian lưu bãi. Hơn nữa chi phí điện năm 2020 cũng giảm do có sự hỗ trợ của ngành điện bởi ảnh hưởng của dịch bệnh covid-19.

+ Chi phí thuê phương tiện, thiết bị khai thác năm 2020 cũng giảm 48% tương đương 22.927 triệu đồng. Sản lượng hàng container giảm nên chi phí thuê ngoài cho dịch vụ chuyên tải hàng container bằng sà lan tới cảng Đoạn xá và vận tải xe conts tới nhà máy HTC Ninh Bình giảm (chi phí này chiếm tỷ trọng lớn trong chi phí thuê thiết bị ngoài). Trong 7 tháng đầu năm 2019, CICT vẫn phải thuê kho hàng nông sản bên ngoài do chưa có kho. Năm 2020, CICT đã sử dụng toàn bộ kho của mình chỉ thỉnh thoảng phải thuê ngoài do kho đầy hàng nên chi phí thuê ngoài cho dịch vụ này cũng giảm so với năm 2019.

Chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 4%.

Chi phí tài chính giảm 11% do lãi suất vay năm 2020 giảm so với năm 2019, ngoài ra CICT cũng trả được một phần gốc vay và lãi vay.

Doanh thu khác tăng mạnh do trong năm 2020, CICT đã đạt được thỏa thuận với nhà thầu Halla để giảm tiền công nợ phải trả, phần công nợ không phải trả nhà thầu đã được đưa vào thu nhập khác.

Lỗ trước thuế năm 2020 giảm 65% so với năm 2019.

4. Về công tác nhân sự:

Biến động Nhân sự: Tình hình Nhân sự năm 2020 tương đối ổn định so với năm 2019. Số người nghỉ việc năm 2020 bằng 57,8 % số người nghỉ việc năm 2019 & số người được tuyển mới năm 2020 bằng 81,8 % số người tuyển mới năm 2019. Con số này cũng thể hiện được tỷ lệ hài lòng của CBNV với các chính sách, chế độ của Công ty, thể hiện được cam kết muốn đồng hành, gắn bó lâu dài của người lao động với Công ty.

Chính sách Nhân Sự: Cùng đương đầu với làn sóng đại dịch Covid-19, Công ty đã đưa ra các hướng dẫn, chính sách để ứng phó nhanh, kịp thời với diễn biến phức tạp của dịch bệnh, kiểm soát dịch bệnh, ổn định sản xuất, không để người lao động bị mất việc làm hay giảm thu nhập. Công ty đã áp dụng chính sách làm việc từ xa cho nhân viên khối văn phòng hay phân chia nhóm làm việc ca ngày, ca đêm tách biệt đối với khối sản xuất và ban hành kịp thời phương án trả lương trong bối cảnh Covid cho các đối tượng làm việc từ xa hay các đối tượng phải cách ly y tế. Các cuộc họp hay phỏng vấn nhân sự cũng được tiến hành theo phương pháp họp/phỏng vấn trực tuyến đảm bảo được tính an toàn, hiệu quả trong mùa dịch.

Dự án Nhân Sự: Năm 2020 ghi nhận một năm hợp tác triển khai thực hiện dự án lớn về xây dựng hệ thống chính sách tiền lương, hệ thống đánh giá giá trị công việc và khung năng lực giữa CICT và Công ty Nhân lực Việt. Dự án nhân sự này sẽ mang tới một cơ chế tiền lương mới cạnh tranh, đảm bảo tính khách quan, công bằng, tạo động lực thúc đẩy làm việc cho CBNV và xây dựng một hệ thống khung năng lực, từ điển năng lực hỗ trợ tối đa cho công tác tuyển dụng, đào tạo của Công ty.

B. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2021

I - CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẢNG CÁI LÂN (CPI)

1. Tình hình thị trường, thuận lợi và khó khăn

Các dự án đầu tư lớn vào Tỉnh Quảng ninh là những cơ hội đối với các doanh nghiệp dịch vụ nói chung và CPI nói riêng. Ngoài việc mở rộng marketing đối với các khách hàng mới, mặt hàng mới, công ty vẫn chú trọng vào việc phát triển mối quan hệ với các khách hàng thân thiết như mặt hàng xi măng, nông sản, Calofic, gỗ viên nén, các dự án của Tỉnh ... mà công ty đang thực hiện dịch vụ vận tải, bốc xếp qua cảng Cái Lân.

CPI là đơn vị đầu tiên thực hiện dịch vụ vận chuyển, lưu kho và xuất tàu đối với hàng gỗ viên nén tại khu vực cảng Cái Lân, cho đến nay cũng đã đạt được một số thành tựu nhất định đối với mặt hàng này. Với kế hoạch xây dựng hệ thống nhà máy, kho của khách hàng tại khu vực phía Bắc cũng như kế hoạch tăng size tàu lên đến 50.000 tấn và tăng số chuyến/tháng cũng là một trong những thuận lợi của CPI về mặt hàng này trong những năm tới.

Định hướng của CPI trong những năm tới là tăng cường phát triển mảng dịch vụ thông quan, vận chuyển hàng hóa.

Ngoài những điều kiện thuận lợi trên, CPI cũng gặp không ít khó khăn trong sản xuất kinh doanh, cụ thể:

- Sự suy thoái kinh tế toàn cầu đã được cảnh báo trước do tác động tiêu cực bùng phát, lây lan chưa rõ hồi kết của đại dịch Covid 19 có thể được xem là một trong những yếu tố có thể gây khó khăn rất lớn cho công ty trong năm 2021 vì nó trực tiếp ảnh hưởng đến mọi mặt hoạt động của công ty.

- CPI là đơn vị hoạt động trong lĩnh vực vận tải hàng hóa, sự biến động của giá dầu ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả của Đội vận tải nói riêng và CPI nói chung

- Các đơn vị dịch vụ tư nhân với điều kiện thuận lợi về kho và trang thiết bị, sẵn sàng giảm giá dịch vụ để giành thị trường, mặt khác thị trường vận tải hiện nay cung vượt quá cầu dẫn tới giá dịch vụ vận tải ngày càng giảm, hiệu quả mang lại rất thấp, hàng container khai thác tại khu vực cảng Cái Lân chiếm thị phần nhỏ, mặt khác do ảnh hưởng của dịch bệnh cũng hạn chế về cung đường vận chuyển và phát sinh các chi phí.

- Về tình hình tài chính: Do hạn chế về nguồn vốn nên không thể thực hiện đầu tư trang thiết bị, làm giảm khả năng và ưu thế cạnh tranh, tăng chi phí thuê ngoài, phải phụ thuộc rất lớn vào các đơn vị cung cấp dịch vụ.

2. Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2021

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH năm 2020	Kế hoạch năm 2021	KH2021/ TH 2020 (%)
I	Sản lượng	<i>Tấn</i>	1.110.559	1.155.000	104
		<i>Teu</i>	23.086	19.500	84
1	Hàng xi măng	<i>Tấn</i>	51.600	80.000	155
2	Hàng gỗ viên	<i>Tấn</i>	113.079	200.000	177
3	Dịch vụ, thủ tục, hàng khác	<i>Teu</i>	19.070	16.000	84
		<i>Tấn</i>	427.728	425.000	99
4	Dịch vụ Hàng hải	<i>Chuyến</i>	19	50	263
5	Đội xe công ty	<i>Teus</i>	4.016	3.500	87
		<i>Tấn</i>	518.152	450.000	87
II	Tổng doanh thu	<i>Triệu đồng</i>	46.377	54.000	116
1	Doanh thu bán hàng cung cấp DV	<i>Triệu đồng</i>	45.875	53.636	117
2	Doanh thu hoạt động tài chính/doanh thu khác	<i>Triệu đồng</i>	502	364	73
III	Lợi nhuận trước thuế	<i>Triệu đồng</i>	766	1.000	131
IV	Thực hiện nộp NSNN	<i>Triệu đồng</i>	1011	1.000	99
V	Thu nhập bình quân	<i>Triệu đồng /người /tháng</i>	10,42	12,32	118

Từ tình hình thực tế của thị trường và tình hình thực tế của CPI, Ban điều hành CPI xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

- Tổng sản lượng hàng rời: 1.155.000 tấn bằng 104% so với thực hiện năm 2020

Trong đó:

+ Hàng xi măng: 80.000 tấn bằng 155% so với thực hiện năm 2020

+ Hàng gỗ viên: 200.000 tấn bằng 177% so với thực hiện năm 2020

+ Dịch vụ, thủ tục, hàng khác: 425.000 tấn bằng 99% so với thực hiện năm 2020

+ Vận chuyển cho khách hàng của Đội vận tải: 450.000 tấn bằng 87% so với thực hiện năm 2020.

- Tổng sản lượng hàng container: 19.500 teu bằng 84 % so với thực hiện năm 2020

Trong đó:

+ Sản lượng cung cấp các dịch vụ thông quan hàng container: 16.000 teu bằng 84% so với thực hiện năm 2020;

+ Sản lượng vận chuyển cho khách hàng của Đội vận tải: 3.500 teu bằng 87% so với thực hiện năm 2020.

Ngoài ra còn vận chuyển nội bộ cho phòng Đầu tư kinh doanh các mặt hàng gỗ viên, xi măng, vôi...

- Tổng doanh thu: 54.000 triệu bằng 116% so với thực hiện năm 2020

Trong đó: Doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh: 53.636 triệu đồng bằng 117% so với thực hiện năm 2020 và doanh thu từ hoạt động tài chính, khác là: 364 triệu đồng bằng 73% so với thực hiện năm 2020.

- Lợi nhuận trước thuế: 1.000 triệu đồng bằng 131% so với thực hiện năm 2020

- Nộp ngân sách nhà nước: theo quy định, kế hoạch năm 2021: 1.000 triệu đồng bằng 99% so với thực hiện năm 2020.

- Thu nhập bình quân: 12.32 triệu đồng/người/tháng bằng 118% so với thực hiện năm 2020.

3. Công tác đầu tư, thanh lý tài sản

3.1. Kế hoạch đầu tư

Trong năm 2021, CPI xây dựng kế hoạch đầu tư trang thiết bị, phương tiện để phục vụ yêu cầu sản xuất kinh doanh, tùy tình hình sản xuất kinh doanh của năm mà công ty sẽ thực hiện phương án đầu tư, cụ thể.

- Tổng mức đầu tư: 1.600 triệu đồng
- Nguồn vốn đầu tư: Vốn tự có/vốn vay ngân hàng

3.2. Thanh lý tài sản

Thanh lý 01 xe con đã hết khấu hao để lấy nguồn vốn đầu tư mới

4. Kế hoạch tài chính

Với kế hoạch lợi nhuận năm 2021 của CPI là 1.000 triệu đồng, việc đầu tư tài sản với giá trị 1.600 triệu đồng sẽ không ảnh hưởng đến dòng tiền và hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ của CPI.

Lập báo cáo dòng tiền theo tháng/quý/năm, dự báo trước các khoản chi phí phát sinh. Luôn đảm bảo có nguồn tiền để chi trả các khoản chi phí hoạt động của công ty.

Cân đối nguồn tiền để lập kế hoạch thanh toán nợ hàng tháng/quý cho các khách hàng có công nợ lớn như: Cảng Quảng Ninh, Cảng Vụ Hàng Hải, các đơn vị vận tải, xếp dỡ, Ban quản lý Hàng hải II, ... Tập trung thu hồi công nợ phải thu đến hạn để đảm bảo nguồn tiền thanh toán các khoản nợ đến hạn phải trả.

5. Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực

Cử CBNV tham gia đầy đủ các lớp học về nghiệp vụ do Tổng công ty và các cơ quan ban ngành tại địa phương tổ chức, đồng thời với đó là thường xuyên thực hiện đào tạo lại, đào tạo tại chỗ nghiệp vụ về kế toán, thủ tục hải quan...để đáp ứng yêu cầu công việc. Tùy điều kiện và yêu cầu SXKD mà Ban điều hành CPI sẽ tổ chức các lớp học nội bộ).

6. Các giải pháp triển khai để hoàn thành kế hoạch

Để đảm bảo hoàn thành kế hoạch về sản lượng và doanh thu đã đề ra, CPI cần triển khai các giải pháp sau:

- Về hoạt động sản xuất kinh doanh:

+ Đánh giá tổng thể hoạt động của công ty, đánh giá khách hàng mục tiêu, khách hàng chiến lược để có phương pháp triển khai phù hợp, mang lại hiệu quả.

+ Tăng cường công tác marketing: duy trì các khách hàng hiện hữu thông qua công tác chăm sóc khách hàng, lấy ý kiến khách hàng, phản hồi của khách hàng về chất lượng dịch vụ; thu hút thêm các khách hàng mới, chủ động tìm kiếm các khách hàng mới, thị trường mới;

+ Đẩy mạnh và hoàn thiện chuỗi dịch vụ hàng dăm gỗ viên nén, phối hợp khách hàng để xây dựng những phương án làm hàng hiệu quả, giảm chi phí, giảm tối đa các tổn thất hàng hóa, tăng năng suất xuất tàu; Bám sát kế hoạch đi vào khai thác của Nhà máy tại Phú Thọ của AVP để sẵn sàng cung cấp dịch vụ; Ngoài khách hàng AVP, CPI tìm kiếm thêm khách hàng có nhu cầu xuất hàng viên gỗ nén qua khu vực cảng Cái Lân.

+ Tìm kiếm thêm các khách hàng tiềm năng mới về hàng cát xuất qua cảng Cái Lân; hàng than xếp dỡ tại neo;

+ Xây dựng phương án dự phòng trước sự bất ổn định của giá dầu trong năm 2021 (*quản lý chặt chẽ, điều chỉnh các định mức chi phí phù hợp...*);

+ Giải pháp về hợp tác, liên kết để phát triển sản xuất kinh doanh/dịch vụ chuỗi với các doanh nghiệp trong cùng Tổng công ty

Liên kết với Vosa Quảng Ninh trong việc thuê kho, dịch vụ kho để lưu giữ hàng nông sản.

Tổng công ty hỗ trợ để CPI có thể cung cấp dịch vụ giám tải hàng nông sản bằng cầu nổi ngoài vùng neo cho CICT.

- Giải pháp về chính sách khách hàng:

+ Áp dụng quy trình chăm sóc khách hàng;

+ Thực hiện khảo sát, đánh giá định kỳ mức độ hài lòng của khách hàng (06 tháng/lần) và đạt tối thiểu 80% khách hàng có phản hồi “tốt” về chất lượng dịch vụ do đơn vị cung cấp.

- Giải pháp về quản trị và đổi mới doanh nghiệp:

+ Áp dụng quy chế trả lương 3PS từ tháng 01/2021;

+ Thực hiện BSC-KPI hàng tháng, quý;

+ Sửa đổi các quy chế nội bộ theo tình hình thực tế của doanh nghiệp.

- Giải pháp về tài chính và đầu tư:

+ Tăng cường các biện pháp đôn đốc thu hồi công nợ khách hàng.

+ Đầu tư trang thiết bị cần thiết, phù hợp với tình hình thực tế của doanh nghiệp theo yêu cầu của công việc.

- Giải pháp về nguồn nhân lực:

+ Tổ chức khóa học về nghiệp vụ marketing và phát triển thị trường hoặc học theo chương trình đào tạo của Tổng công ty và các cơ quan ban ngành tại địa phương;

+ Tổ chức hoặc cử đi học bồi dưỡng về các lĩnh vực chuyên môn nghiệp vụ;

+ Tổ chức chương trình truyền thông về văn hóa doanh nghiệp lấy khách hàng làm trung tâm;

+ Thường xuyên sắp xếp, chuyển chuyên nhân sự giữa các phòng ban, các tổ tùy theo yêu cầu công việc;

+ Cử cán bộ đi học, đào tạo nghiệp vụ để học hỏi kinh nghiệm, cập nhật những chính sách, pháp luật mới của Nhà nước;

- Giải pháp về Công nghệ - Kỹ thuật:

Áp dụng công nghệ thông tin vào trong sản xuất kinh doanh:

+ Áp dụng phần mềm kho dữ liệu và báo cáo thống kê (MIS-BI) theo yêu cầu của Tổng công ty;

+ 100% CBNV công ty sử dụng email để trao đổi công việc nội bộ và trao đổi với khách hàng;

+ Sử dụng chữ ký số trong báo cáo thuế, kê khai Hải quan....;

+ Tùy điều kiện của Công ty để thực hiện đầu tư phần mềm vào quản lý số liệu.

- Trong công tác quản trị:

+ Tiếp tục thực hiện việc tổ chức, điều chuyển, sắp xếp nhân sự phù hợp với yêu cầu sản xuất kinh doanh và tình hình thực tế của công ty;

+ Cắt giảm chi phí trong quản trị, điều hành và sản xuất kinh doanh;

+ Áp dụng công nghệ tiên tiến trong quản lý hàng hóa, nhân sự, quản lý chi phí để nâng cao năng lực cạnh tranh như áp dụng KPI và phần mềm báo cáo theo kế hoạch của Tổng công ty Hàng Hải Việt Nam;

+ Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thông qua việc thường xuyên đào tạo nguồn nhân lực thông qua các chương trình của cơ quan ban ngành địa phương, Tổng công ty tổ chức;

+ Rà soát các quy chế, quy định nội bộ để bổ sung, hoàn thiện phù hợp từng giai đoạn;

+ Tăng cường giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của CICT thông qua người đại diện phần vốn góp.

II- CÔNG TY TNHH CẢNG CÔNG TEN NƠ QUỐC TẾ CÁI LÂN (CICT)

1. Tình hình thị trường

1.1. Hàng Container

Năm 2021 dự kiến sẽ là năm khó khăn chung và có nhiều biến động khó lường của thị trường hàng hóa xuất nhập khẩu với những diễn biến phức tạp của tình hình dịch bệnh Covid trên toàn cầu vẫn chưa được kiểm soát trong suốt một năm 2020 vừa qua. Các tuyến hàng hóa có thể sẽ có nhiều thay đổi về sản lượng do sự thay đổi về nhu cầu hàng hóa của các thị trường. Song song với đó, với sự ra đời của các cầu cảng mới tại khu vực Hải Phòng và sắp tới là bến 5,6 Lạch Huyện sẽ góp phần làm sự cạnh tranh giữa các cảng container tại Miền Bắc thêm gay gắt hơn.

Tuy nhiên, ngoài các khó khăn và thách thức, CICT cũng có nhiều cơ hội trong việc thu hút khách hàng container về cảng, cơ hội đến từ việc gia tăng “chân hàng” tại địa bàn Quảng Ninh. Các dự án xây dựng nhà máy sản xuất của các nhà đầu tư (Hyundai Thành Công, Foxconn, TCL...) vào Quảng Ninh sẽ góp phần tạo nên nguồn hàng bền vững cho CICT nói riêng và Cái Lân nói chung.

Xu hướng container hóa các mặt hàng rời là thế mạnh của Quảng Ninh như xi măng, clinker, gỗ viên nén... cũng là một trong những cơ hội cho CICT. CICT nói riêng và Cái Lân nói chung sẽ có nhiều lợi thế so với Hải Phòng, đặc biệt là về vị trí địa lý khi xu hướng này phát triển.

1.2. Hàng rời

Hàng Nông sản

Trong năm 2020, Việt Nam nhập khẩu khoảng 20,5 triệu tấn nông sản tăng 3,8% so với năm 2019, trong đó 38% về miền Bắc (7,83 triệu tấn tăng 10,3% so với năm 2019) và 62% vào miền Nam (12,64 triệu tấn giảm 0,06% so với năm 2019) (Nguồn: Vnfeednews). Theo OCD, tổng sản lượng nguyên liệu thức ăn chăn nuôi nhập khẩu vào Việt Nam năm 2021 sẽ đạt khoảng 21 triệu tấn, tăng trưởng xấp xỉ 4% so với năm 2020.

Năm 2021 dự kiến sẽ là năm hàng nông sản gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng của tình hình dịch bệnh Covid trên toàn cầu.

Trong những tháng đầu năm 2021, đã chứng kiến sự tăng vọt về giá nguyên liệu nhập khẩu trên thị trường thế giới trong vòng 10 năm trở lại đây. Nguyên nhân chính dẫn đến giá nguyên liệu tăng vọt là do Trung Quốc gia tăng nhập khẩu và trở thành nước nhập khẩu nông sản đứng đầu thế giới.

Dự kiến trong năm 2021, Argentina và Brazil vẫn sẽ là những nhà cung cấp ngô hàng đầu cho thị trường Việt Nam. Theo báo cáo Cung – Cầu 10/12, USDA ước tính xuất khẩu ngô Brazil và Argentina trong năm marketing 2020/21 đạt 73 triệu tấn, khô đậu tương đạt 26,7 triệu tấn.

Đối với nguồn cung nội địa cũng không khả quan do những năm gần đây, ngô nội địa không còn là nguồn cung chính cho tiêu thụ thức ăn chăn nuôi tại Việt Nam do khó cạnh tranh với nguồn hàng nhập khẩu cả về lượng lẫn giá cả. Người dân ngày càng có xu hướng chuyển đổi diện tích gieo trồng ngô sang các loại cây trồng khác, nguồn cung ngô nội địa của Việt Nam 2021 có thể chỉ dao động trên dưới 1 triệu tấn, chiếm chưa đến 10% so với lượng nhập khẩu (11~12 triệu tấn). Còn đối với nguồn cung khô đậu tương nội địa từ các nhà máy ép dầu ở Việt Nam dự kiến khoảng thời gian quý I/2021 cũng sẽ rất hạn chế do các lô hàng đậu tương nhập khẩu về ít do tình trạng thiếu vỏ container rỗng dùng cho xuất khẩu tại Mỹ trong những tháng cuối năm 2020- đầu năm 2021.

Hàng Dăm gỗ

Theo trao đổi với các nhà xuất khẩu dăm gỗ tại khu vực Cái Lân, sản lượng hàng dăm gỗ thông qua khu vực cụm Cảng Cái Lân năm 2021 có thể đạt mức tăng trưởng 5-10% so với năm 2020 do nguồn cung nguyên liệu gỗ từ rừng trồng đã thành rừng dồi dào, đảm bảo đủ nguyên liệu cho việc xuất khẩu dăm thời gian tới.

Sự thay đổi chính sách năng lượng trong vận hành các nhà máy nhiệt điện và việc cấm nhập khẩu giấy đã qua sử dụng cũng như nhu cầu sử dụng giấy cao của Trung Quốc sẽ là động lực cho sự tăng trưởng nhu cầu xuất khẩu dăm gỗ của Việt Nam nói chung trong những năm

tới. Thị trường Trung Quốc và Nhật Bản sẽ vẫn là 2 thị trường chính nhập khẩu hàng dăm gỗ của Việt Nam.

2. Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2021

Hội đồng quản trị CPI căn cứ kết quả hoạt động SXKD năm 2020 của CICT và tình hình thị trường các mặt hàng CICT đang khai thác, thông qua người đại diện phần vốn giao các chỉ tiêu sản lượng, doanh thu và lợi nhuận kế hoạch năm 2021, dự kiến như sau:

2.1. Các chỉ tiêu SXKD

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH năm 2020	KH năm 2021	So sánh
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(5)/(4)
1	Sản lượng hàng hóa thông qua	Tấn	4,838,259	4,460,349	92%
	<i>Hàng Container</i>	<i>Teus</i>	41,283	0	0%
	<i>Hàng rời</i>	Tấn	4,260,297	4,460,349	105%
2	Tổng Doanh thu	Triệu đồng	362,010	394,405	109%
	Trong đó doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Triệu đồng	315,833	360,832	114%
3	Tổng Chi phí	Triệu đồng	455,092	458,474	101%
	Trong đó chi phí SXKD	Triệu đồng	257,591	251,304	98%
4	<i>Lãi (lỗ) chênh lệch tỷ giá đánh giá cuối kỳ</i>	<i>Triệu đồng</i>	<i>1,914</i>	<i>(13,726)</i>	
5	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	(91,168)	(77,795)	85%
6	Ebitda	Triệu đồng	170,375	223,026	131%

(Số liệu được tổng hợp, báo cáo tại thời điểm tháng 03/2021 và chưa được chính thức phê duyệt của hội đồng thành viên CICT).

- Do những khó khăn được dự đoán về thị trường hàng container trong năm 2021 nên CICT không đặt ra sản lượng mục tiêu khai thác cho mặt hàng này. Tuy nhiên, CICT vẫn luôn tìm kiếm khách hàng và sẵn sàng khai thác bất cứ lúc nào khi có hàng về.

- Tổng sản lượng hàng rời năm 2021 dự tính khai thác 4.460.349 tấn hàng hóa thông qua, tăng 5% so với năm 2020. Trong đó:

Hàng nông sản ước đạt 2,9 triệu tấn tăng 5% so với năm 2020 tạo ra doanh thu 302 tỷ đồng.

Hàng dăm gỗ, dầu thực vật vẫn duy trì tăng trưởng như năm 2020 với tổng doanh thu dự tính 49 tỷ đồng.

Hàng khác: như sắt vụn, viên gỗ nén, quặng....hy vọng có sự tăng trưởng mạnh so với năm 2020. Tổng doanh thu của các mặt hàng này dự tính năm 2021 là 9,8 tỷ đồng.

- Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2021 dự kiến là 360 tỷ đồng tương đương 114% năm trước.

- Chi phí hoạt động:

+ Chi phí giá vốn: tất cả các chi phí được tính toán dựa trên giá lịch sử năm 2019, 2020.

Hầu hết các chi phí trong năm 2021 đều dự kiến bằng hoặc có sự tăng, giảm nhẹ so với năm 2020, có một vài chi phí thay đổi cơ bản như sau:

Chi phí sửa chữa giá vốn: dự kiến giảm 56% so với thực hiện năm 2020 tương đương 1.979 triệu đồng do 2 nguyên nhân:

+ Năm 2020 CICT phát sinh sự cố hỏng cáp điện cầu dẫn đến chi phí sửa chữa tăng.

+ Chi phí nạo vét cầu bến phát sinh từ năm 2017 được phân bổ đến năm 2020 là hết chi phí. Năm 2021 CICT chưa có kế hoạch nạo vét cầu bến nên không phát sinh chi phí này.

Chi phí thuê phương tiện, thiết bị ngoài: Dự kiến giảm 32% so với năm 2020, do sản lượng hàng container dự tính không có mà chi phí thuê ngoài cho mặt hàng này chủ yếu phục vụ vận tải hàng container về nhà máy và cảng đích. Ngoài ra, cuối năm 2020 và trong năm 2021 CICT đầu tư thêm một số máy móc thiết bị nên chi phí thuê để phục vụ làm hàng rời cũng giảm.

+ Chi phí quản lý doanh nghiệp: dự kiến tăng 9% so với năm 2020. Trong đó chi phí nhân viên dự kiến tăng 14% do dự tính tăng 01 chuyên gia nước ngoài từ tháng 06 năm 2021, năm 2020 chỉ có 01 chuyên gia nước ngoài. Chi phí môi giới tăng 8% so với năm 2020, chi phí này được tính dựa trên sản lượng hàng nông sản khách hàng đưa về.

EBIDA năm 2021 dự kiến đạt 223.026 triệu đồng tăng 31% so với năm 2020.

Tỷ giá hối đoái USD dự tính năm 2021 tăng lên là 23.421 theo nguồn walletinvestor.com. Tổng lỗ do tỷ giá là 1,2 triệu USD. Do CICT có khoản nợ tài chính lớn bằng USD nên việc Lợi nhuận trước thuế bị ảnh hưởng lớn bởi Lãi (lỗ) do ảnh hưởng chênh lệch tỷ giá đánh giá cuối kỳ.

2.2. Kế hoạch dòng tiền, nợ phải trả

- Hàng quý CICT vẫn đang thực hiện chuyển số tiền dư thừa sau khi giữ lại 700 nghìn USD vào tài khoản dự trữ DSRA theo quy định trong Thư khước từ hạn chế tháng 06 năm 2017 và các nhà cho vay chính sẽ thực hiện cân trừ số tiền này theo thứ tự cho lãi quá hạn, lãi vay và gốc vay. Năm 2020, CICT đã chuyển 6,7 triệu USD sang tài khoản này để trả nợ lãi và gốc vay.

- Cuối năm 2021, tổng gốc vay của các nhà cho vay chính là 86 triệu USD, tổng nợ đến hạn là 86 triệu USD trong đó gốc vay quá hạn là 71,9 triệu USD. Ngoài ra nợ lãi quá hạn là 24,4 triệu USD. Năm 2021, CICT tiếp tục trả lãi vay từ dòng tiền hoạt động của công ty.

- Với khoản nợ của ZPMC: Công ty cũng không có kế hoạch trả nợ tuy nhiên phía ZPMC cũng có động thái yêu cầu CICT thanh toán số tiền 1.219.803 tuy nhiên theo yêu cầu của HĐTV cho phép CICT thanh toán 300.000 USD và số còn lại yêu cầu ZPMC không đòi nữa. CICT đã gửi email thông báo cho ZPMC tuy nhiên CICT vẫn chưa nhận được thông tin phản hồi lại từ ZPMC. Trong trường hợp CICT bán 4 cầu RTG còn lại thì CICT phải thanh toán tiền cho ZPMC, trường hợp này CICT đang giả định sẽ đàm phán thanh toán 600.000 USD số còn lại sẽ xin không thanh toán nữa.

- Năm 2021, CICT dự kiến giải ngân phần còn lại cho các dự án đầu tư tài sản từ năm 2020 và đầu tư, nâng cấp một dự án mới.

2.3. Các dự án đầu tư trong năm 2021

Năm 2021, CICT có kế hoạch đầu tư 02 máy ủi với giá trị 4.3 tỷ đồng (đã bao gồm thuế GTGT) do máy ủi hiện tại của CICT chưa đáp ứng đủ phục vụ cho nhu cầu làm hàng.

CICT dự kiến đầu tư, nâng cấp hệ thống mạng lưu trữ (hệ thống SAN) với chi phí ước tính 45.000 USD bởi vì hệ thống SAN đã hoạt động gần 8 năm kể từ 2012, do đó sẽ tiềm ẩn nguy cơ sự cố/ sập nguồn thiết bị. Sự cố này sẽ làm chết toàn bộ hệ thống ứng dụng CNTT của CICT và ảnh hưởng tới cơ sở dữ liệu và hoạt động kinh doanh của CICT. Dự án này đã được HĐQT phê duyệt từ năm 2020 nhưng vẫn chưa triển khai nên chuyển sang năm 2021.

Ngoài ra, do sức chứa của nhà kho CICT đã quá tải, CICT đang có kế hoạch xây dựng thêm 01 kho chứa hàng nông sản với diện tích 8.000 m², sức chứa 36.000 tấn. Giá trị đầu tư dự kiến 2.8 triệu USD.

Trường hợp, CICT bán hết các thiết bị làm hàng container dư thừa, CICT sẽ xin đầu tư thêm 1 cầu JIB để làm hàng rời, giá trị tạm tính 1.5 triệu USD.

Nguồn vốn đầu tư lấy từ tiền bán thiết bị và từ nguồn tiền SXKD của CICT.

3. Các giải pháp hoàn thành kế hoạch 2021.

3.1. Giải pháp về sản xuất kinh doanh

-Hàng container

CICT sẽ tiếp tục tiếp cận các khách hàng có sản lượng lớn trong khu vực để gom các chân hàng lại thu hút các hãng tàu mở tuyến tại Cái Lân. Ngoài ra, CICT cũng theo sát các diễn biến liên quan đến tiến độ xây dựng của các nhà máy/ các dự án đầu tư mới trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh bao gồm: Nhà máy sản xuất ô tô của tập đoàn Thành Công, Nhà máy sản xuất linh kiện điện tử của Tập đoàn Khoa học Kỹ thuật Hồng Hải (Foxconn) hay Tập đoàn TCL,... Đây là những tín hiệu tích cực; là cơ hội phát triển hoạt động khai thác container tại CICT trong tương lai. Đây sẽ là nguồn hàng khá ổn định – là một trong những yếu tố chính và quan trọng trong việc thu hút hãng tàu về cảng.

- Hàng nông sản:

Năm 2021, CICT đã áp dụng thành công chính sách giá mới, điều này sẽ tạo ra sự điều chỉnh đáng kể đối với doanh thu. Để hoàn thành các chỉ tiêu đã đề ra, Cảng đang hướng tới:

✓ Mở rộng dịch vụ sang lĩnh vực logistics, vận chuyển hàng nông sản từ CICT ra khu vực Cái Lân cung như tối ưu hóa, cung cấp dịch vụ thuê kho và các dịch vụ kho.

✓ Đàm phán với khách hàng về gia hạn hợp đồng với các điều khoản thuê kho cố định. Tiếp tục thu hút các khách hàng mới.

Trong khi đó, để đạt được sản lượng như kế hoạch, việc có kho dự phòng là rất cần thiết. Do lượng tàu nông sản dự kiến về liên tục và dồn dập trong tháng 5 và các tháng cuối năm nên nhu cầu kho là rất lớn để có thể đáp ứng được nhu cầu của khách hàng.

-Hàng dầm gỗ:

- ✓ Chăm sóc tốt khách hàng hiện tại để duy trì sản lượng hàng thông qua cảng.
- ✓ Cung cấp dịch vụ trọn gói cho khách hàng từ dịch vụ lưu bãi bãi đến khai thác hàng hóa xuất khẩu thông quan qua vực cầu bến CICT.
- ✓ Tiếp tục tận dụng thế mạnh về khả năng đa dạng trong khai thác hàng dầm gỗ: Sử dụng linh hoạt phương án khai thác bằng thùng container mở đáy và băng tải, đem tới cho khách hàng hiệu quả khai thác tốt nhất.

-Hàng khác

- ✓ Tiếp tục tập trung khai thác các mặt hàng Dầu thực vật.
- ✓ Tăng cường tìm kiếm, thu hút các mặt hàng khác như hàng thiết bị dự án, tàu RORO, hàng gỗ viên nén... về CICT.

3.2. Giải pháp về quản trị doanh nghiệp

Song song với mục tiêu phát triển hoạt động kinh doanh của CICT, mục tiêu đổi mới công tác quản trị CICT cũng rất quan trọng.

- **Công tác nhân sự:** Năm 2021, CICT sẽ đưa hệ thống đánh giá giá trị công việc (KPI) vào thử nghiệm. KPI cụ thể cho từng bộ phận/ từng vị trí được xây dựng nhằm kiểm soát tốt nhất hiệu quả công việc của từng vị trí, từ đó tạo thuận lợi cho công tác quản lý nhân sự, đồng thời nâng cao chất lượng dịch vụ tới khách hàng từ việc chuyên nghiệp hóa từng vị trí của cảng.

- **Công tác quản lý khai thác:** Định hướng và mục tiêu đưa CICT trở thành “cảng công nghệ” chuyên nghiệp nhất. CICT sẽ tập trung nghiên cứu, ứng dụng công nghệ thông tin toàn diện vào công tác quản lý khai thác. Từ đó chuyên nghiệp hóa tất cả các khâu, tác nghiệp khai thác trong cảng, giúp tăng năng suất và giảm thiểu tối đa tất cả những sai sót có thể xảy ra gây ra bởi con người trong quá trình khai thác.

- **Công tác khách hàng:** Xây dựng tốt mối quan hệ với tất cả các khách hàng dù là khách hàng to hay bé, tiềm năng hay không tiềm năng thì CICT cũng luôn đặt mục tiêu “Khách hàng là sự sống còn của công ty”.

Hội đồng quản trị Công ty CP Đầu tư Cảng Cái Lân trân trọng báo cáo Đại hội.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VT, TK HĐQT,



TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

LÊ QUANG TRUNG